

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2022

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH - TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thìn

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2022/TLST - HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường M, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Tâm, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

* Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị V, sinh năm: 1950 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường M, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đặng Thị S, sinh năm: 1944 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời khai của chị Đỗ Thị V trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Nguyễn Thành T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện MH (nay là phường P, thị xã MH), tỉnh Hưng Yên. Trước khi chị kết hôn với anh T, anh T đã ly hôn và có 02 con trai (các cháu đã thành niên và đang ở với vợ cũ của anh T), bản thân chị cũng đã kết hôn và có 01 con gái nhưng chồng trước của chị bị bệnh mất năm 2013. Sau khi kết hôn, chị và anh T sống cùng nhau tại nhà của anh T tại tổ dân phố Đ, phường P để tiện chăm sóc mẹ anh T. Quá trình chung sống cùng anh T, bản thân chị luôn hoàn thành nghĩa vụ của người vợ, người con dâu, mọi việc hiếu hỉ của gia đình anh T chị đều lo liệu đầy đủ. Tuy nhiên anh T không quan tâm tới tâm tư, tình cảm của chị. Bản thân anh T lúc nào cũng có suy nghĩ mẹ anh

T là quan trọng hơn cả. Chị không ngăn cản việc anh T quan tâm chăm sóc mẹ, tuy nhiên chị mong muốn anh T cân bằng được việc trách nhiệm chăm sóc mẹ cũng như có trách nhiệm đối với vợ. Vợ chồng kết hôn, chung sống với nhau nhưng người chồng muốn quan tâm chăm sóc vợ cũng đều phải để ý đến thái độ của mẹ thì chị thấy cuộc sống vợ chồng rất mệt mỏi. Do suy nghĩ về cách sống của anh chị quá khác nhau, bản thân anh T chưa thật sự quan tâm tới chị, anh chị không có sự đồng cảm thấu hiểu nhau nên vợ chồng chỉ sống cùng nhau được khoảng 8 tháng thì chị chuyển về sinh sống tại nhà của chị tại tổ dân phố P, phường M. Thời gian khi chị mới về nhà tại tổ dân phố P, anh T thỉnh thoảng có đến thăm chị và có trao đổi với chị về việc mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Chị có trao đổi với anh T về việc nếu muốn chị về sống cùng thì vợ chồng phải sống riêng, không sống cùng mẹ anh T; trường hợp mẹ anh T ốm đau, chị và anh T sẽ có trách nhiệm chăm sóc cho bà. Tuy nhiên anh T không đồng ý với quan điểm của chị; vợ chồng kể từ đó cũng chỉ hỏi thăm sức khỏe của nhau, không sống cùng nhau nữa. Đến tháng 5/2022 chị đã trao đổi với anh T về việc chị làm đơn ly hôn; kể từ đó giữa chị và anh T không còn qua lại, quan tâm chăm sóc nhau. Đến nay, chị xác định thời gian vợ chồng sống cùng nhau không dài (khoảng 08 tháng), giữa anh chị có nhiều điểm không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, tình cảm gắn bó giữa vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung, hiện nay chị không có thai nên chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung nên chị tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng chị không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Vợ chồng chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và các vấn đề khác: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh T xác định: Anh và chị Đỗ Thị V đăng ký kết hôn năm 2018 như lời trình bày của chị V là đúng. Sau khi kết hôn, chị V về ở cùng anh và mẹ anh tại tổ dân phố Đ, phường P. Chị Vi ở nhà anh được gần 01 năm thì chị V chuyển về sống ở nhà chị V tại tổ dân phố P, phường M. Khi chị V chuyển về nhà chị V, anh T vẫn thỉnh thoảng qua lại nhà chị V. Đến tháng 5/2022, do mẹ anh ốm nên anh không còn đến nhà chị V và chị V cũng không về nhà anh sinh sống nữa. Anh có trao đổi với chị V và mong muốn chị rút đơn khởi kiện, về sống cùng anh để tiện chăm sóc mẹ anh nhưng chị V không đồng ý và vẫn ở nhà riêng của chị V. Việc chị V lấy chồng nhưng không ở nhà chồng mà lại về nhà riêng ở một mình như vậy là không phù hợp, chị V làm đơn ly hôn anh không đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng không có con chung nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Vợ chồng anh không có tài sản chung nên anh tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng anh không nợ ai, không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Vợ chồng anh không có ruộng nông nghiệp nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và các vấn đề khác: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đặng Thị S (mẹ đẻ anh T) trình bày: Bà xác định anh T và chị V là vợ chồng có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm anh T và chị V kết hôn, bà không đồng ý

cho anh T kết hôn với chị V nhưng sau đó anh chị vẫn đăng ký kết hôn nên bà tôn trọng quyết định của anh chị. Sau khi kết hôn, chị V về sống cùng bà và anh T tại tổ dân phố Đ, phường P. Trong quá trình chung sống, bà không thấy chị V và anh T đánh cãi, chửi nhau nhưng chị V chỉ sống cùng bà và anh T vài tháng rồi chị V chuyển về nhà chị V ở tổ dân phố P, phường M sinh sống. Trong thời gian gian này, anh T vẫn xuống nhà chị V, còn chị V chỉ ngày rằm và mùng một hay khi nào nhà bà có việc thì chị V mới đến. Từ tháng 5/2022 đến nay, chị V không còn qua lại nhà bà và anh T không còn xuống nhà chị V nữa. Chị V khởi kiện ly hôn với anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị. Nếu anh chị không đồng ý ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T và chị V không có con chung. Về tài sản, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức, bà không liên quan gì đến anh T và chị V. Do bà đã cao tuổi và đi lại khó khăn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bà Phạm Thị V (là mẹ đẻ chị V) trình bày: Bà xác định chị V và anh T là vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2018 là đúng. Sau ngày cưới chị V về nhà anh T sống cùng anh T và mẹ đẻ của anh T. Anh chị chung sống cùng nhau được khoảng 7 đến 8 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh T không quan tâm đến tâm tư tình cảm, suy nghĩ của chị V; thời điểm vợ chồng sống cùng nhà, chị V trao đổi tâm tư tình cảm, mong muốn của chị V nhưng anh T không lắng nghe và cũng không quan tâm đến lời chị V nói. Do không chịu được cách sống của anh T nên đến tháng 8 năm 2019, chị V chuyển về nhà chị V ở tại tổ dân phố P, phường M, anh T thỉnh thoảng có xuống hỏi thăm chị V và mong muốn vợ chồng về nhà mẹ anh T sống nhưng chị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên không đồng ý. Kể từ tháng 5/2022 anh T cũng không đến thăm chị V và chị V cũng không quay lại nhà anh T sống cùng anh T. Mâu thuẫn giữa chị V và anh T diễn ra trong một thời gian dài nhưng chị V cũng không kể cho bà biết, thời gian gần đây chị V làm đơn khởi kiện ly hôn anh T bà mới nắm được. Bà cũng đã gọi và trao đổi với anh T, anh T cũng đã thừa nhận với bà việc mâu thuẫn giữa anh chị như lời chị V kể là đúng. Bà nhận thấy chị V là người con dâu hiếu thảo, quan tâm đến gia đình nhà chồng, hoàn thành chức trách của người con dâu nhưng ngược lại anh T không quan tâm đến suy nghĩ của chị V, anh T không là lá chắn để bảo vệ cho chị V, không chăm sóc chị V, không đảm bảo cho chị V được cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến nay chị V làm đơn khởi kiện ly hôn anh T gửi lên Tòa án để giải quyết, bà thấy thời gian anh chị chung sống cùng nhau quá ngắn (khoảng 7 đến 8 tháng), cuộc sống của chị V từ khi về nhà chồng không được hạnh phúc, không nhận được sự che chở, quan tâm, thương yêu của chồng nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V ly hôn với anh T. Về con chung: Chị V và anh T không có con chung. Bà xác định bà không liên quan gì đến vợ chồng anh chị về kinh tế; bà không cho anh chị vay cũng như anh chị không cho bà vay nợ gì nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chị cũng không có công sức đóng góp gì với gia đình bà nên bà tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau này Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải; anh T mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; hiện nay chị không có thai. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH trình bày quan điểm: Toà án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn anh T. Về con chung: Chị V và anh T không có con chung nên anh chị không yêu cầu giải quyết nên không phải giải quyết. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do chị V, anh T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Đỗ Thị V và bị đơn là anh Nguyễn Thành T là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn. Chị V khởi kiện xin ly hôn anh T, anh T có nơi cư trú tại tổ dân phố Đ, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã MH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị V, bị đơn là anh T, người làm chứng là bà S, bà V cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P, nên có đủ căn cứ xác định chị V và anh T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là Ủy ban nhân dân phường P) năm 2018 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, chị V khởi kiện ly hôn đối với anh T sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị V, anh T là vợ chồng, có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị V cho rằng anh T không quan tâm đến tâm tư, tình cảm của chị V; anh T cho rằng chị V không thông cảm cho hoàn cảnh của anh phải chăm sóc mẹ già. Bản thân anh T nhiều lần trao đổi với chị V, anh không đồng ý ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng chăm sóc mẹ anh; bản thân chị V xác định nếu anh T muốn chị V về sống cùng anh T thì vợ chồng phải ở riêng, không ở cùng mẹ anh T, nếu mẹ anh T ốm đau thì chị và anh T sẽ có trách nhiệm chăm sóc cho bà nhưng anh T không đồng ý. Anh chị kết hôn tháng 3/2018, đầu năm 2019 thì chị V bỏ về sinh sống tại nhà riêng của chị; điều đó thể hiện thời gian chung sống của vợ chồng anh chị không dài, quá trình

chung sống cùng nhau cả anh T và chị V không có sự đồng cảm, thấu hiểu cho hoàn cảnh của nhau, anh chị không thống nhất nơi sinh sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chị V làm đơn ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án tạo điều kiện để anh chị hòa giải hàn gắn hạnh phúc tuy nhiên anh T không đưa ra được phương án hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, không đến tham gia các phiên hòa giải; chị V xác định thời gian vợ chồng sống cùng nhau không dài (08 tháng), vợ chồng có nhiều điểm không hợp nhau và không còn tình yêu thương chăm sóc nhau nên cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Tất cả những tình tiết trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh chị mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên sẽ giải quyết cho chị V và anh T ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Chị V, anh T không có con chung anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, chị V, anh T đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị V được ly hôn anh Nguyễn Thành T.

Về con chung, về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

Án phí: Chị Đỗ Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013153 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã MH. Chị V đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã MH;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- Dương sự;
- UBND phường P;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ OANH

